TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG THI CĐRNN NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
TIẾNG ANH - NGÀY THI 15/11/2020

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
1	421846	Nguyễn Hữu Hải	An	7.0	7.5	6.5	8.5	7.5	4	Đạt	
2	420758	Nguyễn Thanh	An	7.5	7.5	7.0	8.0	7.5	4	Đạt	
3	423427	Nguyễn Thúy	An	7.5	8.0	6.5	7.0	7.5	4	Đạt	
4	421906	Phạm Thành	An	4.5	8.5	3.5	8.0	6.0	3	Đạt	
5	421745	Vũ Thị Thu	An							Không đạt	
6	421649	An Thị Phương	Anh	6.5	7.0	6.5	7.5	7.0	4	Đạt	
7	422221	Bùi Ngọc	Anh	7.0	7.0	5.0	7.0	6.5	4	Đạt	
8	422034	Bùi Phương	Anh	8.5	7.0	7.0	8.0	7.5	4	Đạt	
9	423439	Bùi Việt	Anh	8.0	8.0	8.0	9.0	8.5	5	Đạt	
10	421129	Đặng Quang	Anh	10.0	9.0	6.0	8.5	8.5	5	Đạt	
11	421135	Đặng Thị Vân	Anh	10.0	9.0	6.0	7.5	8.0	4	Đạt	
12	423016	Dương Hoàng	Anh							Không đạt	
13	420252	Dương Quỳnh	Anh	5.5	7.5	6.5	6.5	6.5	4	Đạt	
14	420752	Hoàng Thị Huyền	Anh	6.5	7.0	6.5	8.0	7.0	4	Đạt	
15	421119	Hoàng Thị Lan	Anh	9.5	8.0	5.5	8.0	8.0	4	Đạt	
16	421139	Hoàng Thị Tú	Anh	9.5	8.0	5.5	8.0	8.0	4	Đạt	
17	421701	Lê Thị Minh	Anh	9.0	8.5	7.0	8.5	8.5	5	Đạt	
18	420260	Lý Thị Lan	Anh	9.5	9.0	5.0	5.0	7.0	4	Đạt	
19	421136	Ngô Quang	Anh	10.0	9.0	8.0	9.0	9.0	5	Đạt	
20	422216	Nguyễn Huy	Anh	8.0	8.0	6.5	7.5	7.5	4	Đạt	
21	421656	Nguyễn Lan	Anh	4.0	4.0	5.5	7.5	5.5	3	Đạt	
22	421259	Nguyễn Quỳnh	Anh	6.0	6.5	5.5	7.0	6.5	4	Đạt	
23	421942	Nguyễn Tài Bảo	Anh	8.5	8.0	6.5	9.0	8.0	4	Đạt	
24	421724	Nguyễn Thị Lan	Anh	9.5	8.0	6.0	7.5	8.0	4	Đạt	
25	420435	Nguyễn Thị Thùy	Anh	6.0	6.5	6.0	9.0	7.0	4	Đạt	
26	420445	Nguyễn Vân	Anh	6.0	8.0	6.0	8.0	7.0	4	Đạt	
27	421340	Phan Hà	Anh	9.0	7.5	7.0	9.5	8.5	5	Đạt	
28	421117	Trần Ngọc	Anh	6.5	9.5	7.0	7.0	7.5	4	Đạt	
29	422039	Trần Thị Kim	Anh	7.5	9.5	4.5	7.0	7.0	4	Đạt	
30	422213	Trần Thị Kim	Anh							Không đạt	
31	421052	Trần Thị Phương	Anh	8.0	7.5	7.0	7.5	7.5	4	Đạt	
32	421754	Trương Phương	Anh	10.0	8.0	8.0	9.5	9.0	5	Đạt	
33	420959	Vũ Thục	Anh	9.0	8.5	8.5	8.5	8.5	5	Đạt	
34	412813	Bùi Hoàng	Anh	9.5	8.5	8.5	9.0	9.0	5	Đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
35	410517	Đặng Ngọc	Anh	6.5	6.5	7.0	7.5	7.0	4	Đạt	
36	402735	Đặng Thị Quỳnh	Anh	7.5	6.5	8.0	8.5	7.5	4	Đạt	
37	412808	Ngô Vi Nam	Anh	10.0	9.5	6.0	10.0	9.0	5	Đạt	
38	401512	Nguyễn Thị Hương	Anh	7.0	9.5	6.5	6.5	7.5	4	Đạt	
39	382456	Nguyễn Thị Lan	Anh	2.5	5.5	4.0	9.0	5.5	3	Đạt	
40	410944	Phan Thị	Anh	6.0	9.0	5.0	7.0	7.0	4	Đạt	
41	401419	Thái Thị Thúy	Anh	3.5	9.0	3.0	8.5	6.0	3	Đạt	
42	421045	Chu Ngọc	ánh	7.5	5.5	6.5	8.0	7.0	4	Đạt	
43	421854	Nguyễn Hồng	ánh	6.5	5.5	2.0	8.0	5.5	3	Đạt	
44	422243	Nhữ Thị Ngọc	ánh	9.0	8.0	7.0	8.0	8.0	4	Đạt	
45	422649	Tạ Nguyệt	ánh	7.5	5.0	5.0	7.5	6.5	4	Đạt	
46	421529	Trần Thị Ngọc	ánh	6.5	5.5	5.0	8.0	6.5	4	Đạt	
47	403907	Bùi Ngọc	ánh	9.0	6.5	5.0		5.0	3	Không đạt	
48	411428	Đinh Thị Hồng	ánh	6.0	5.5			0.0		Không đạt	VPQC
49	412023	Lý Ngọc	ánh	8.0	7.0	4.5	7.5	7.0	4	Đạt	
50	403911	Nguyễn Ngọc	ánh	8.5	7.0	7.5	9.0	8.0	4	Không đạt	
51	412416	Nguyễn Thị	ánh	5.5	3.5	5.0	7.0	5.5	3	Đạt	
52	410939	Phạm Ngọc	ánh	7.0	7.0	6.5	7.5	7.0	4	Đạt	
53	411736	Phan Thị Ngọc	ánh	3.0	4.0	4.5	7.0	4.5	3	Đạt	
54	412630	Trần Trọng	Bắc							Không đạt	
55	422627	Lê Hữu	Bách	9.0	8.0	5.5	8.5	8.0	4	Đạt	
56	411848	Hứa Thị Ngọc	Bích	6.5	6.5	5.0	6.5	6.0	3	Đạt	
57	420741	Nguyễn Thị	Biển	7.5	6.0	7.0	8.0	7.0	4	Đạt	
58	422934	Nguyễn Quý	Cảnh	8.5	9.0	5.0	8.5	8.0	4	Đạt	
59	401353	Nguyễn Đình	Cảnh	3.0	2.5	6.5	8.0	5.0	3	Đạt	
60	421710	Hồ Thị	Ché	3.0	4.0	6.0	6.5	5.0	3	Đạt	
61	422634	Bùi Mai	Chi	6.5	5.5	4.0	8.0	6.0	3	Đạt	
62	421415	Đào Thị Diễm	Chi	8.0	7.0	7.0	8.0	7.5	4	Đạt	
63	421537	Nghiêm Linh	Chi	9.0	8.5	8.0	9.0	8.5	5	Đạt	
64	421156	Ngô Đan	Chi	9.0	7.5	7.5	7.5	8.0	4	Đạt	
65	412422	Vi Thị	Chiên	5.5	3.0	4.5	7.0	5.0	3	Đạt	
66	LTCQ0209	Lừ Văn	Chiến	2.5	1.5	3.0	7.0	3.5		Không đạt	
67	412052	Hoàng Văn	Chiến	5.0	3.0	4.5	6.0	4.5	3	Đạt	
68	422708	Đỗ Đức	Chinh	9.0	8.0	7.5	9.0	8.5	5	Đạt	
69	420726	Trần Minh	Chính	8.0	8.0	5.5	6.5	7.0	4	Đạt	
70	411108	Nguyễn Đình	Chính	5.0	3.5	4.0	4.5	4.5	3	Đạt	
71	421843	Lý Thị Kim	Chuyên	5.0	4.0	6.5	6.0	5.5	3	Đạt	
72	421439	Hoàng Phương	Cúc	7.5	5.0	8.0	7.5	7.0	4	Đạt	
73	422110	Phạm Trọng	Cường	9.0	7.0	7.0	7.5	7.5	4	Đạt	
74	421752	Vũ Mạnh	Cường	7.0	7.0	8.5	6.0	7.0	4	Đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
75	402462	Phạm Quốc	Cường	5.5	7.5	2.5	5.0	5.0	3	Đạt	
76	420728	Vũ Văn	Đại	7.5	4.0	6.0	7.0	6.0	3	Đạt	
77	421237	Nguyễn Hải	Đăng	9.0	8.5	6.0	8.0	8.0	4	Đạt	
78	412835	Nguyễn Văn Hải	Đăng	8.5	8.5	8.5	9.5	9.0	5	Đạt	
79	422145	Trương Thị	Đào	5.5	7.0	4.5	5.5	5.5	3	Đạt	
80	400911	Nguyễn Văn	Đạt	5.0	6.5	6.0	5.5	6.0	3	Đạt	
81	410220	Tô Thị	Đệ	6.5	4.5	5.5	4.5	5.5	3	Đạt	
82	422262	Phá A	Dềnh	2.0	2.5	6.0	7.5	4.5	3	Đạt	
83	412557	Cao Kiềm	Diễm	3.0	2.5	3.0	2.0	2.5		Không đạt	
84	410920	Lường Thị Hồng	Diên	4.0	8.5	3.5	5.0	5.5	3	Đạt	
85	422738	Nguyễn Thị Minh	Diệp	9.0	6.5	8.5	8.5	8.0	4	Đạt	
86	420616	Vũ Thị Ngọc	Diệp	8.0	8.0	5.5	7.5	7.5	4	Đạt	
87	LTCQ0208	Tạ Minh	Điệp	5.5	6.5	1.0	5.0	4.5	3	Đạt	
88	420437	Hoàng Thị	Diệu	6.0	7.5	7.0	6.0	6.5	4	Đạt	
89	421138	Trần Văn	Diệu							Không đạt	
90	421137	Nguyễn Minh	Độ	6.5	6.5	7.0	7.0	7.0	4	Đạt	
91	411917	Phí Công	Đông	4.5	7.0	5.5	5.5	5.5	3	Đạt	
92	410221	Mai Văn	Duân	6.5	4.5	5.0	6.5	5.5	3	Đạt	
93	420543	Kiều Thế	Đức	8.5	9.0	7.5	8.0	8.5	5	Đạt	
94	422146	Nguyễn Minh	Đức	8.5	6.0	8.0	8.0	7.5	4	Đạt	
95	LTCQ0215	Nguyễn Thành	Đức	4.0	8.0	7.0	8.0	7.0	4	Đạt	
96	401203	Lê Anh	Đức							Không đạt	
97	420735	Lê Thị Thu	Dung	3.5	4.0	6.0	5.0	4.5	3	Đạt	
98	421446	Nguyễn Thị Thùy	Dung	6.0	6.5	8.0	7.5	7.0	4	Đạt	
99	402657	Dương Thị	Dung	3.5	2.5	6.0	5.5	4.5	3	Đạt	
100	410522	Nguyễn Thị Phương	Dung							Không đạt	
101	400461	Trịnh Thị Thùy	Dung	7.5	4.5	5.5	7.0	6.0	3	Đạt	
102	420247	Đặng Anh	Dũng	9.5	7.5	7.5	7.0	8.0	4	Đạt	
103	420415	Lê Tiến	Dũng	5.5	6.0	5.0	6.5	6.0	3	Đạt	
104	420640	Ngô Văn	Dũng	7.0	5.5	5.5	6.0	6.0	3	Đạt	
105	423408	Phan	Dũng	9.5	9.0	7.5	9.0	9.0	5	Đạt	
106	LTCQ0206	Quàng Văn	Dũng	4.0	7.0	1.0	5.0	4.5	3	Đạt	
107	402151	Đào Anh	Dũng	2.5	3.5	4.0	8.0	4.5	3	Đạt	
108	421957	Ngô Thị Thùy	Dương	7.0	5.5	6.5	7.0	6.5	4	Đạt	
109	420256	Nguyễn Thị Thùy	Dương	7.0	5.0	5.0	8.0	6.5	4	Đạt	
110	422950	Trần Thùy	Dương	8.5	7.0	5.5	7.5	7.0	4	Đạt	
111	422028	Vương Thị Thuỳ	Dương	8.5	7.0	6.0	7.0	7.0	4	Đạt	
112	413223	Đào Trọng	Duy	8.5	7.0	5.0	9.0	7.5	4	Đạt	
113	410811	Dư Công Hà	Duy	6.5	5.5	2.0	6.0	5.0	3	Đạt	
114	400964	Nguyễn Khánh	Duy							Không đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
115	422252	Đinh Thị Ngọc	Duyên	9.5	8.0	2.5	6.0	6.5	4	Đạt	
116	420305	Hầu Thị	Duyên	9.5	7.0	5.0	5.0	6.5	4	Đạt	
117	421308	Hoàng Thị	Duyên	5.5	3.5	5.5	7.0	5.5	3	Đạt	
118	412149	Đỗ Thị Kỳ	Duyên	9.0	6.5	5.5	7.5	7.0	4	Đạt	
119	411410	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	4.5	4.5	7.0	7.5	6.0	3	Đạt	
120	421152	Vũ Thị	Gấm	7.0	5.0	6.5	8.0	6.5	4	Đạt	
121	422130	Lê Phương	Giang	9.0	7.5	7.0	8.0	8.0	4	Đạt	
122	420608	Lương Linh	Giang	7.0	6.5	6.0	7.0	6.5	4	Đạt	
123	422701	Nguyễn Hương	Giang	7.5	6.0	7.0	8.0	7.0	4	Đạt	
124	421503	Nguyễn Thị	Giang	8.0	5.5	6.0	7.5	7.0	4	Đạt	
125	420953	Phạm Thu	Giang	9.5	8.5	7.5	8.0	8.5	5	Đạt	
126	421058	Phan Thị	Giang	8.0	6.0	7.0	8.0	7.5	4	Đạt	
127	421757	Tiêu Thị Hương	Giang	8.0	7.5	6.5	8.0	7.5	4	Đạt	
128	420854	Trịnh Hương	Giang	8.0	6.0	8.5	7.5	7.5	4	Đạt	
129	421326	Trương Lê Ngân	Giang	7.0	6.0	6.5	7.0	6.5	4	Đạt	
130	402465	Cao Thị	Giang	7.0	7.0	5.0	7.0	6.5	4	Đạt	
131	410354	Hoàng Đức	Giang	6.5	8.0	4.0	6.0	6.0	3	Đạt	
132	410215	Lê Thị Hương	Giang	7.5	8.5	5.0	7.0	7.0	4	Đạt	
133	412915	Lý Thị	Giang	8.0	8.0	8.0	9.0	8.5	5	Đạt	
134	411502	Thịnh Mai	Giang	6.0	6.0	6.0	5.0	6.0	3	Đạt	
135	404047	Vũ Thị Hương	Giang	7.5	7.0	8.5	7.0	7.5	4	Không đạt	
136	422235	Hoàng Thị Thu	Hà	8.5	5.0	6.0	5.5	6.5	4	Đạt	
137	422043	Hoàng Thị Tú	Hà	6.0	5.5	7.0	5.0	6.0	3	Đạt	
138	420743	Hoàng Thu	Hà	6.0	6.0	5.5	5.0	5.5	3	Đạt	
139	421134	Ngô Thanh	Hà	9.5	7.5	7.0	7.0	8.0	4	Đạt	
140	421921	Nguyễn Hưng	Hà	7.5	7.0	4.5	4.0	6.0	3	Đạt	
141	422537	Nguyễn Thị Ngân	Hà	8.0	7.5	7.5	7.0	7.5	4	Đạt	
142	420529	Nguyễn Thị Việt	Hà	7.0	7.5	7.5	6.0	7.0	4	Đạt	
143	420158	Phùng Thu	Hà	6.0	7.5	5.5	5.0	6.0	3	Đạt	
144	421109	Trần Thị Thu	Hà	8.5	7.5	9.0	7.5	8.0	4	Đạt	
145	420918	Võ Thị Việt	Hà	6.5	8.5	7.0	4.0	6.5	4	Đạt	
146	422448	Vũ Thị Hồng	Hà	6.0	5.0	6.5	5.0	5.5	3	Đạt	
147	412107	Đinh Thu	Hà	4.5	4.5	6.5	5.0	5.0	3	Đạt	
148	411722	Hồ Thị Thu	Hà	5.5	4.5	5.0	4.5	5.0	3	Đạt	
149	402128	Lê Thị Mỹ	Hà	6.0	6.5	6.5	6.5	6.5	4	Đạt	
150	412608	Nguyễn Thị	Hà	5.5	5.5	3.0	4.0	4.5	3	Đạt	
151	411601	Trần Thị	Hà	9.5	9.5	4.0	4.5	7.0	4	Đạt	
152	400967	Trần Thị Thu	Hà	10.0	9.5	6.0	6.0	8.0	4	Đạt	
153	421419	Lương Thu	Hạ	5.5	5.0	5.0	5.0	5.0	3	Đạt	
154	422956	Hồ Thủy	Hải	9.0	8.5	7.5	8.0	8.5	5	Đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
155	422427	Nguyễn Thị	Hải	6.5	6.5	4.5	5.5	6.0	3	Đạt	
156	411607	Tòng Văn	Hải	5.5	6.0	1.5	4.0	4.5	3	Đạt	
157	411514	Trần Thị	Hải	2.0	6.0	3.5	4.0	4.0		Không đạt	
158	420952	Trần Thị	Hằng	7.0	8.5	6.0	6.5	7.0	4	Đạt	
159	422214	Võ Thu	Hằng	8.5	4.5	6.0	6.0	6.5	4	Đạt	
160	420534	Vũ Thanh	Hằng	6.0	5.0	6.0	7.0	6.0	3	Đạt	
161	401861	Nguyễn Thu	Hằng	4.5	5.0	4.0	4.0	4.5	3	Đạt	
162	411113	Phạm Thu	Hằng	9.0	10.0	5.0	4.0	7.0	4	Đạt	
163	412837	Triệu Thị Ngân	Hằng	10.0	10.0	7.5	8.0	9.0	5	Đạt	
164	421844	Dương Thị	Hạnh	8.5	7.0	6.0	6.0	7.0	4	Đạt	
165	422032	Hoàng Hồng	Hạnh	8.0	7.5	3.5	5.0	6.0	3	Đạt	
166	421155	Lê Thị Mỹ	Hạnh	7.0	6.5	5.0	5.0	6.0	3	Đạt	
167	421852	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	9.0	6.5	8.0	6.0	7.5	4	Đạt	
168	422017	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	6.5	6.5	6.0	6.0	6.5	4	Đạt	
169	421944	Vũ Thị Hồng	Hạnh	3.0	7.0	6.5	6.0	5.5	3	Đạt	
170	410309	Mã Thị Hồng	Hạnh	3.0	3.5	1.0	4.5	3.0		Không đạt	
171	400742	Nguyễn Hồng	Hạnh	6.5	5.0	5.0	5.0	5.5	3	Đạt	
172	410955	Nguyễn Thị	Hạnh	3.0	4.0	4.0	5.0	4.0		Không đạt	
173	412802	Nguyễn Thị	Hạnh	7.0	6.5	7.0	7.0	7.0	4	Không đạt	
174	403746	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	10.0	8.5	7.5	8.5	8.5	5	Đạt	
175	402347	Phạm Thị	Hạnh	9.5	10.0	3.5	5.0	7.0	4	Đạt	
176	422154	Hà Thị	Hậu	5.0	6.0	7.0	4.5	5.5	3	Đạt	
177	420747	Nguyễn Hùng	Hậu	8.0	8.5	6.0	6.0	7.0	4	Đạt	
178	420909	Nguyễn Thị	Hậu	6.0	7.5	5.0	6.0	6.0	3	Đạt	
179	420434	Nguyễn Thị	Hiên	3.5	3.5	4.5	4.5	4.0		Không đạt	
180	411027	Lò Thị	Hiên	3.0	3.5	3.5	5.0	4.0		Không đạt	
181	420447	Bùi Trần Mai	Hiền	6.0	5.0	6.5	6.5	6.0	3	Đạt	
182	420106	Chu Thị	Hiền	4.5	6.0	5.0	4.5	5.0	3	Đạt	
183	421128	Đặng Thuý	Hiền	5.0	8.5	7.0	6.0	6.5	4	Đạt	
184	422437	Đặng Vũ Thu	Hiền	8.0	6.0	5.5	5.5	6.5	4	Đạt	
185	422239	Ngô Thị Thu	Hiền	8.5	7.0	8.0	5.0	7.0	4	Đạt	
186	422048	Trần Thuý	Hiền	4.0	5.0	7.5	6.5	6.0	3	Đạt	
187	412412	Bùi Thúy	Hiền	3.0	4.0	5.0	5.0	4.5	3	Đạt	
188	412859	Nguyễn Thị	Hiền	9.0	7.5	8.5	8.5	8.5	5	Đạt	
189	412823	Phạm Thị Ngọc	Hiền	9.0	7.0	7.0	8.0	8.0	4	Không đạt	
190	413114	Phan Thị Thu	Hiền	8.5	7.5	7.0	7.5	7.5	4	Đạt	
191	410317	Trương Thị	Hiền	5.0	6.5	7.0	5.0	6.0	3	Đạt	
192	LTCQ0207	Hoàng Minh	Hiếu	2.0	2.0	0.0	5.0	2.5		Không đạt	
193	420232	Nguyễn Đức Minh	Hiếu	9.0	8.5	6.0	8.0	8.0	4	Đạt	
194	422715	Nguyễn Quang	Hiếu	8.0	7.5	5.5	7.0	7.0	4	Đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
195	421410	Phan Thị	Hiếu	5.5	6.0	6.0	6.0	6.0	3	Đạt	
196	421232	Trần Ngọc	Hiếu	4.5	3.5	4.0	5.0	4.5	3	Đạt	
197	420120	Nguyễn Phương	Hoa	4.0	3.0	2.5	5.0	3.5		Không đạt	
198	420457	Trần Thị	Hoa	6.0	6.0	7.0	6.0	6.5	4	Đạt	
199	402662	Đỗ Thị	Hoa	3.5	3.0	3.0	3.0	3.0		Không đạt	
200	411303	Nguyễn Thị	Hoa	4.5	3.0	5.0	6.0	4.5	3	Đạt	
201	411450	Nguyễn Thị	Hoa							Không đạt	
202	412810	Phạm Phương	Hoa	8.5	8.0	7.5	7.5	8.0	4	Không đạt	
203	423435	Nguyễn Việt	Hoà	8.5	7.5	7.0	8.0	8.0	4	Đạt	
204	420132	Phạm Thị	Hòa	5.0	6.5	6.5	6.5	6.0	3	Đạt	
205	421314	Nông Thị	Hoài	3.5	4.0	3.5	5.5	4.0		Không đạt	
206	402571	Lục Minh	Hoài	3.5	4.0	5.5	5.0	4.5	3	Đạt	
207	411440	Bùi Thị	Hoan	3.5	3.5	5.0	4.0	4.0		Không đạt	
208	420444	Phạm Thị Ngọc	Hoàn	7.5	5.5	6.0	8.0	7.0	4	Đạt	
209	410807	Hoàng Thu	Hoàn	5.5	7.5	4.0	4.0	5.5	3	Đạt	
210	420446	Đinh Đắc Huy	Hoàng	7.5	8.0	7.0	8.5	8.0	4	Đạt	
211	422120	Nguyễn Việt	Hoàng	6.0	5.0	5.5	6.5	6.0	3	Đạt	
212	420419	Trần Huy	Hoàng	5.0	4.5	3.5	4.0	4.5	3	Đạt	
213	423424	Trần Việt	Hoàng	10.0	8.0	7.0	8.0	8.5	5	Đạt	
214	400537	Điêu Chính	Hoàng							Không đạt	
215	400808	Nguyễn Việt	Hoàng	3.0	7.0	6.5	8.5	6.5	4	Đạt	
216	412833	Nông Đức	Hoành	9.0	8.5	6.5	8.0	8.0	4	Không đạt	
217	420241	Lê Thị Bích	Hồng	6.0	5.5	5.0	5.5	5.5	3	Đạt	
218	420420	Nguyễn Thị	Hồng	3.5	5.0	4.0	6.0	4.5	3	Đạt	
219	410814	Đỗ Thị	Hồng	3.5	3.5	3.5	6.5	4.5	3	Đạt	
220	411754	Nguyễn Trọng	Huấn	3.5	4.5	3.5	5.0	4.0		Không đạt	
221	400211	Bùi Thị	Huế	3.0	4.5	4.0	6.0	4.5	3	Đạt	
222	420850	Hà Thị Thu	Huệ	7.5	6.5	6.5	8.5	7.5	4	Đạt	
223	421133	Trần Thu	Huệ	4.5	5.5	3.0	4.0	4.5	3	Đạt	
224	421722	Lê Việt	Hùng	5.0	5.5	5.5	7.5	6.0	3	Đạt	
225	420421	Nguyễn Văn	Hùng	6.0	5.0	5.0	3.0	5.0	3	Đạt	
226	411955	Hoàng Lý	Hùng	9.5	8.0	3.5	2.0	6.0	3	Đạt	
227	420736	Nguyễn Thành	Hưng	10.0	8.5	9.0	8.5	9.0	5	Đạt	
228	420641	Đỗ Quỳnh	Hương	10.0	9.5	8.5	9.0	9.5	5	Đạt	
229	421023	Hoàng Thị Lan	Hương	9.0	9.5	5.5	3.0	7.0	4	Đạt	
230	423412	Nguyễn Thị Thanh	Hương	8.5	9.5	8.5	5.0	8.0	4	Đạt	
231	421112	Trần Hoàng Linh	Hương	8.5	9.5	7.5	8.0	8.5	5	Đạt	
232	412653	Khổng Thu	Hương	7.5	9.5	5.0	2.0	6.0	3	Đạt	
233	412136	Nguyễn Thị Lan	Hương	8.5	8.0	8.5	6.0	8.0	4	Đạt	
234	404008	Trần Thị Thu	Hương	9.5	9.0	8.0	8.0	8.5	5	Đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
235	422423	Nguyễn Thu	Hường	10.0	9.5	8.0	8.0	9.0	5	Đạt	
236	421145	Hoàng Đức	Huy	9.0	9.5	8.5	8.0	9.0	5	Đạt	
237	411811	Đàm Quang	Huy	8.5	8.5	7.0	4.0	7.0	4	Đạt	
238	411711	Lâm Quang	Huy	4.5	8.5	5.0	7.0	6.5	4	Đạt	
239	412656	Lường Văn	Huy	7.0	9.0	7.0	9.0	8.0	4	Đạt	
240	421558	Đặng Thị	Huyền	9.0	7.0	8.5	7.0	8.0	4	Đạt	
241	421028	Đỗ Hồ Mai	Huyền	8.0	4.5	8.0	7.0	7.0	4	Đạt	
242	422521	Đỗ Minh	Huyền	9.0	7.0	7.0	7.0	7.5	4	Đạt	
243	421654	Dương Thị	Huyền	9.5	7.0	7.5	7.0	8.0	4	Đạt	
244	420159	Hà Thu	Huyền	8.0	4.5	7.0	6.0	6.5	4	Đạt	
245	421813	Hoàng Thị	Huyền	7.5	6.0	6.0	6.5	6.5	4	Đạt	
246	421013	Lò Khánh	Huyền	8.0	5.5	5.5	6.0	6.5	4	Đạt	
247	420453	Nguyễn Thanh	Huyền	9.0	8.0	8.5	6.5	8.0	4	Đạt	
248	421056	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	9.0	7.5	8.0	7.0	8.0	4	Đạt	
249	422210	Nguyễn Thị Thu	Huyền	8.5	6.5	7.0	6.0	7.0	4	Đạt	
250	422718	Nguyễn Thị Thu	Huyền	8.0	5.0	7.5	6.5	7.0	4	Đạt	
251	422222	Nguyễn Thương	Huyền	5.0	4.0	5.5	2.0	4.0		Không đạt	
252	421148	Phạm Phương	Huyền	6.5	7.5	8.0	5.0	7.0	4	Đạt	
253	420723	Trần Khánh	Huyền	3.0	4.0	4.5	6.0	4.5	3	Đạt	
254	421912	Trịnh Thị Ngọc	Huyền	4.0	3.5	6.0	3.0	4.0		Không đạt	
255	422227	Vũ Thảo	Huyền	8.5	8.0	8.0	7.0	8.0	4	Đạt	
256	420733	Vũ Thị	Huyền	8.5	8.0	6.5	4.0	7.0	4	Đạt	
257	411134	An Ngọc	Huyền	7.0	5.5	5.5	6.0	6.0	3	Đạt	
258	412832	Đào Lê Thu	Huyền	9.5	8.5	8.0	8.0	8.5	5	Đạt	
259	410449	Hoàng Thị	Huyền	4.0	4.0	6.0	5.5	5.0	3	Đạt	
260	402048	Ma Thị Diệu	Huyền	3.0	2.5	5.5	3.0	3.5		Không đạt	
261	410416	Trịnh Thị Thanh	Huyền	4.5	5.0	6.0	4.0	5.0	3	Đạt	
262	420812	Nguyễn Vân	Khanh	8.5	6.0	8.0	8.0	7.5	4	Đạt	
263	420627	Trần Công	Khanh	6.5	7.5	5.0	5.0	6.0	3	Đạt	
264	422225	Trần Phương	Khanh							Không đạt	
265	422040	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	9.5	8.5	8.5	8.5	9.0	5	Đạt	
266	421640	Phạm Ngọc	Khánh							Không đạt	
267	421514	Phạm Quốc	Khánh	7.5	6.5	6.0	8.0	7.0	4	Đạt	
268	410813	Nguyễn Quốc	Khánh	5.5	5.5	6.0	5.5	5.5	3	Đạt	
269	412540	Vũ Thị Ngọc	Khánh	8.5	8.0	6.0	8.0	7.5	4	Đạt	
270	422810	Hoàng Trọng	Khôi	8.0	5.5	6.5	9.0	7.5	4	Đạt	
271	422049	Trần Thế	Kiên	9.0	7.0	7.5	9.0	8.0	4	Đạt	
272	422734	Nguyễn Thị	Lam	6.5	5.5	7.5	8.0	7.0	4	Đạt	
273	420934	Đỗ Ngọc	Lâm	7.5	5.0	6.0	8.0	6.5	4	Đạt	
274	420748	Nguyễn Đức	Lâm	9.0	7.5	7.0	8.0	8.0	4	Đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
275	421336	Lê Thị Nhật	Lệ	8.0	6.0	5.5	6.0	6.5	4	Đạt	
276	420642	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	5.5	6.0	6.0	7.0	6.0	3	Đạt	
277	422748	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	6.0	4.5	6.5	8.0	6.5	4	Đạt	
278	421146	Trần Hà	Liên	7.0	8.0	7.5	8.0	7.5	4	Đạt	
279	421409	Ma Thị	Liễu	4.5	3.5	4.0	3.5	4.0		Không đạt	
280	421022	Cao Thị Diệu	Linh	4.0	4.0	3.5	5.0	4.0		Không đạt	
281	422123	Đinh Hoàng Khánh	Linh	9.0	8.5	8.5	10.0	9.0	5	Đạt	
282	421046	Đỗ Diệu	Linh	8.0	5.5	7.5	6.5	7.0	4	Đạt	
283	420234	Đỗ Thị Phương	Linh	7.5	5.0	6.0	7.5	6.5	4	Đạt	
284	420443	Hoàng Hà	Linh	8.0	6.5	7.0	8.0	7.5	4	Đạt	
285	423043	Hoàng Mai	Linh							Không đạt	
286	420940	Lâm Thị Nhật	Linh	6.0	5.0	5.5	5.5	5.5	3	Đạt	
287	422236	Lê Thị Thu	Linh	6.0	5.5	6.5	7.0	6.5	4	Đạt	
288	420914	Lò Thị	Linh	4.0	2.5	5.0	6.0	4.5	3	Đạt	
289	421811	Lưu Khánh	Linh	6.5	7.0	5.5	6.0	6.5	4	Đạt	
290	420944	Lưu Thị Huyền	Linh	9.0	7.0	8.0	7.5	8.0	4	Đạt	
291	421633	Nguyễn Đặng Ngọc	Linh	9.0	9.0	8.5	10.0	9.0	5	Đạt	
292	422637	Nguyễn Khánh	Linh	8.5	8.0	7.5	7.0	8.0	4	Đạt	
293	420126	Nguyễn Phương	Linh	8.0	7.5	7.0	5.0	7.0	4	Đạt	
294	420108	Nguyễn Thị	Linh	8.0	6.0	8.0	8.0	7.5	4	Đạt	
295	421848	Nguyễn Thị Phương	Linh	6.5	4.0	6.5	7.5	6.0	3	Đạt	
296	420248	Nguyễn Thị Thùy	Linh	8.5	7.5	6.5	7.0	7.5	4	Đạt	
297	421911	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4.0	6.5	4.5	5.0	5.0	3	Đạt	
298	420704	Nguyễn Thùy	Linh	8.5	9.0	7.0	7.5	8.0	4	Đạt	
299	422135	Nguyễn Thùy	Linh	7.5	7.5	6.0	6.0	7.0	4	Đạt	
300	421153	Phạm Nguyễn Diệu	Linh	8.0	6.5	7.5	7.0	7.5	4	Đạt	
301	382445	Đặng Thị Ngọc	Hà	4.0	3.5	2.5	4.0	3.5		Không đạt	
302	422552	Phạm Thị	Linh	8.5	7.0	8.5	9.0	8.5	5	Đạt	
303	422157	Phạm Thị Mỹ	Linh	7.5	8.0	7.0	8.5	8.0	4	Đạt	
304	420937	Phạm Thùy	Linh	7.5	7.0	7.0	7.5	7.5	4	Đạt	
305	423036	Tao Thị Nhật	Linh							Không đạt	
306	421901	Tô Tiểu	Linh	7.0	6.0	7.0	9.0	7.5	4	Đạt	
307	423543	Trần Đặng Thùy	Linh	9.0	7.5	6.5	8.0	8.0	4	Đạt	
308	421749	Trần Khánh	Linh	5.0	6.5	6.5	7.0	6.5	4	Đạt	
309	421454	Trần Thị Thùy	Linh	7.0	7.0	7.5	8.0	7.5	4	Đạt	
310	420249	Trần Thùy	Linh	3.5	5.5	6.0	5.0	5.0	3	Đạt	
311	422107	Trịnh Thị Thùy	Linh							Không đạt	
312	421214	Vũ Diệu	Linh	5.5	6.0	6.0	7.0	6.0	3	Đạt	
313	420819	Vũ Thị Thùy	Linh	8.0	7.0	7.5	7.0	7.5	4	Đạt	
314	410339	Đặng Thùy	Linh	8.5	8.0	8.0	8.5	8.5	5	Đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
315	412807	Đinh Thị Ngọc	Linh	5.5	5.5	6.5	7.0	6.0	3	Không đạt	
316	400649	Kim Thảo	Linh	4.5	2.5	5.0	6.0	4.5	3	Đạt	
317	413122	Nguyễn Phương	Linh	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	4	Đạt	
318	382542	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4.5	3.0	4.5	5.0	4.5	3	Đạt	
319	411921	Phạm Khánh	Linh	4.5	4.5	5.5	4.0	4.5	3	Đạt	
320	410715	Vũ Thị Hoài	Linh	4.0	4.5	5.5	5.5	5.0	3	Đạt	
321	412231	Vũ Thùy	Linh	5.5	4.5	6.0	5.0	5.5	3	Đạt	
322	420761	Khúc Diệu	Loan	3.0	5.0	5.0	5.0	4.5	3	Đạt	
323	422435	Lò Thị	Loan	1.5	4.0	4.5	6.0	4.0		Không đạt	
324	420650	Nguyễn Thanh	Loan	8.5	6.5	7.5	10.0	8.0	4	Đạt	
325	421812	Trần Thị	Loan	9.0	4.0	8.0	8.0	7.5	4	Đạt	
326	410954	Linh Thị	Loan	7.5	5.0	6.0	6.5	6.5	4	Đạt	
327	422439	Phùng Đức	Long	8.5	5.5	8.0	8.0	7.5	4	Đạt	
328	420433	Vũ Hoàng	Long	9.0	9.0	8.5	8.5	9.0	5	Đạt	
329	410251	Lý Hoàng	Long	4.0	3.0	3.0	7.5	4.5	3	Đạt	
330	421451	Phạm Ngọc	Lưu	7.0	6.5	8.5	7.0	7.5	4	Đạt	
331	413120	Trần Thị	Luyến							Không đạt	
332	420712	Đặng Thị Linh	Ly	8.0	2.5	7.5	7.5	6.5	4	Đạt	
333	422138	Nguyễn Thanh	Ly	8.5	7.5	9.0	7.0	8.0	4	Đạt	
334	LTCQ0211	Tòng Hương	Ly	2.5	1.5	1.5	6.5	3.0		Không đạt	
335	422218	Vũ Ngọc	Ly	7.0	6.5	8.5	8.5	7.5	4	Đạt	
336	410922	Cầm Thị May	Ly	5.5	5.5	4.0	5.0	5.0	3	Đạt	
337	412638	Hoàng Thị Hương	Ly	9.0	8.5	8.0	8.5	8.5	5	Đạt	
338	400609	Nguyễn Thị Thảo	Ly	5.0	4.0	7.0	8.0	6.0	3	Đạt	
339	410606	Phạm Thị	Ly	5.0	3.5	7.0	6.5	5.5	3	Đạt	
340	423107	Châu Thị Ngọc	Mai	6.5	7.5	8.0	8.5	7.5	4	Không đạt	
341	421051	Nguyễn Phạm Quỳnh	Mai	9.5	6.5	7.5	6.5	7.5	4	Đạt	
342	422847	Nguyễn Thị Thanh	Mai							Không đạt	
343	421225	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	6.5	4.5	8.5	7.5	7.0	4	Đạt	
344	422434	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	8.5	7.0	7.0	7.0	7.5	4	Đạt	
345	422142	Phạm Phương	Mai	7.0	8.0	8.5	8.0	8.0	4	Đạt	
346	421708	Phùng Thị Nguyệt	Mai	5.0	6.0	6.0	6.5	6.0	3	Đạt	
347	423159	Trần Ngọc	Mai	8.0	8.5	8.5	8.5	8.5	5	Đạt	
348	421142	Trần Thị Ngọc	Mai	7.5	7.0	8.0	7.5	7.5	4	Đạt	
349	412842	Đinh Thị Phương	Mai	7.5	6.5	8.0	8.0	7.5	4	Không đạt	
350	391669	Giàng Thị	Mai	4.0	3.0	2.0	5.0	3.5		Không đạt	
351	412809	Kỷ Hoa	Mai	9.0	8.5	7.0	9.0	8.5	5	Đạt	
352	412840	Nguyễn Thị Thanh	Mai	7.0	7.0	7.5	8.5	7.5	4	Không đạt	
353	412143	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	7.0	5.0	5.0	7.5	6.0	3	Đạt	
354	421225	Nguyễn Thị Tuyết	Mai							Không đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
355	400558	Võ Thị Tuyết	Mây	7.5	8.5	7.0	6.0	7.5	4	Đạt	
356	422161	Triệu Thị	Mấy	6.0	4.0	7.0	6.5	6.0	3	Đạt	
357	412839	Nguyễn Văn	Miền	9.0	8.0	8.5	9.0	8.5	5	Đạt	
358	421123	Khổng Quang	Minh	8.5	8.0	6.5	8.0	8.0	4	Đạt	
359	420659	Trương Ngọc	Minh	9.0	9.0	8.5	9.0	9.0	5	Đạt	
360	411430	Đỗ Anh	Minh	5.0	9.0	3.0	8.0	6.5	4	Đạt	
361	413111	Lê Thị Bảo	Minh	7.5	9.0	7.0	9.0	8.0	4	Đạt	
362	401147	Lô Thị ánh	Minh	7.0	5.5	5.5	7.0	6.5	4	Đạt	
363	412635	Nguyễn Anh Tuấn	Minh	4.0	1.5	4.5	5.5	4.0		Không đạt	
364	411539	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	2.5	6.5	5.5	6.0	5.0	3	Đạt	
365	413121	Tô Quang	Minh	9.5	9.0	8.0	8.5	9.0	5	Đạt	
366	421847	Lê Hà	My	9.5	6.5	7.5	8.5	8.0	4	Đạt	
367	422541	Nguyễn Thị Hà	My	9.0	9.0	7.5	9.0	8.5	5	Đạt	
368	420922	Cao Thành	Nam	8.0	5.0	6.5	6.5	6.5	4	Đạt	
369	421807	Vi Thị	Nam	4.0	4.0	5.0	8.0	5.5	3	Đạt	
370	423127	Nguyễn Vũ Quỳnh	Nga	9.5	7.5	7.5	9.5	8.5	5	Đạt	
371	421358	Đặng Kim	Ngân	5.0	4.0	7.5	7.0	6.0	3	Đạt	
372	420356	Phạm Thị Kim	Ngân	9.5	8.0	8.5	8.0	8.5	5	Đạt	
373	421632	Trịnh Thị Phúc	Ngân	8.5	6.0	6.5	8.5	7.5	4	Đạt	
374	411931	Đinh Thị Thanh	Ngân	4.5	3.5	7.0	8.0	6.0	3	Đạt	
375	412214	Hoàng Hải	Ngân	3.5	3.0	6.5	8.0	5.5	3	Đạt	
376	422104	Nguyễn Thị Kim	Ngần	4.0	4.0	7.0	7.5	5.5	3	Đạt	
377	421325	Nguyễn Đức	Nghĩa	9.0	7.0	7.5	9.0	8.0	4	Đạt	
378	410752	Ma Văn	Nghĩa	5.0	3.5	0.0	6.5	4.0		Không đạt	
379	420749	Trần Công	Nghiệp	7.0	8.5	8.0	9.5	8.5	5	Đạt	
380	420717	Hà Bích	Ngọc	7.5	7.0	8.0	9.5	8.0	4	Đạt	
381	420950	Hà Minh	Ngọc	8.0	7.5	6.5	7.5	7.5	4	Đạt	
382	423433	Hoàng Bích	Ngọc	8.0	7.5	7.0	8.0	7.5	4	Đạt	
383	421837	Lê Thị	Ngọc	6.5	6.0	8.0	8.5	7.5	4	Đạt	
384	421909	Mông Thị	Ngọc	8.0	3.5	5.0	7.0	6.0	3	Đạt	
385	423540	Nguyễn Bích	Ngọc	9.0	8.0	8.0	9.5	8.5	5	Đạt	
386	420632	Nguyễn Minh	Ngọc	6.5	6.5	4.5	6.0	6.0	3	Đạt	
387	423023	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc							Không đạt	
388	422821	Nguyễn Thu Bảo	Ngọc	7.5	7.5	7.5	7.5	7.5	4	Đạt	
389	401547	Hà ánh	Ngọc	7.0	6.5	6.0	8.0	7.0	4	Đạt	
390	411608	Nguyễn Bảo	Ngọc	6.5	3.0	1.0		2.5		Không đạt	
391	411702	Nguyễn Bảo	Ngọc	10.0	10.0	4.0	8.5	8.0	4	Đạt	
392	412846	Phạm Hồng	Ngọc	9.0	9.0	8.0	9.0	9.0	5	Đạt	
393	421044	Đinh Thị Hải	Nguyên	10.0	9.5	8.5	7.0	9.0	5	Đạt	
394	420638	Nông Thị Quỳnh	Nha	7.5	5.5	6.0	8.0	7.0	4	Đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
395	411550	Bùi Huyền	Nhi							Không đạt	
396	420512	Nguyễn Thị	Nhiên	5.5	4.5	6.0	6.5	5.5	3	Đạt	
397	421132	Nguyễn Thị Thảo	Như	4.5	4.5	6.0	7.0	5.5	3	Đạt	
398	420259	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	5.0	6.0	8.0	7.5	6.5	4	Đạt	
399	420354	Phan Linh	Nhung	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	4	Đạt	
400	422114	Thẩm Trang	Nhung	9.5	8.0	8.5	7.0	8.5	5	Đạt	
401	422007	Tô Thị	Nhung	9.0	8.0	5.0	8.5	7.5	4	Đạt	
402	420651	Trương Thị	Nhung	6.5	7.0	4.5	7.0	6.5	4	Đạt	
403	403944	Đặng Thị	Nhung	7.5	6.5	7.5	8.5	7.5	4	Không đạt	
404	411411	Hoàng Thị Hồng	Nhung	5.0	5.0	7.0	7.0	6.0	3	Đạt	
405	412453	Phạm Hồng	Nhung	5.5	6.0	6.0	7.0	6.0	3	Đạt	
406	422736	Chu Thị	Oanh	8.0	8.0	5.5	1.0	5.5	3	Đạt	
407	422050	Đàm Thị	Oanh	9.0	8.5	7.5	7.5	8.0	4	Đạt	
408	421143	Dương Kiều	Oanh	7.5	7.0	8.0	8.5	8.0	4	Đạt	
409	420709	Nguyễn Thị	Oanh	7.0	6.5	8.5	8.0	7.5	4	Đạt	
410	421750	Tạ Thị	Oanh	7.0	5.5	6.5	6.5	6.5	4	Đạt	
411	410429	Đặng Thị Tú	Oanh	8.0	8.5	8.0	7.5	8.0	4	Đạt	
412	LTCQ0205	Lù A	Páo	7.0	7.5	7.0	9.0	7.5	4	Đạt	
413	412119	Cà Thị	Phần	4.0	5.0	6.0	7.0	5.5	3	Đạt	
414	420753	Nguyễn Hồng	Phong	9.0	7.5	8.0	8.0	8.0	4	Đạt	
415	LTCQ0203	Châu A	Phự	2.5	5.5	1.0	5.0	3.5		Không đạt	
416	423340	Hoàng Lan	Phương	8.5	8.5	7.5	9.5	8.5	5	Đạt	
417	420344	Lê Minh	Phương	9.0	9.0	9.0	8.0	9.0	5	Đạt	
418	422743	Nguyễn Hà	Phương	9.0	9.0	7.5	8.5	8.5	5	Đạt	
419	422140	Nguyễn Thị Thu	Phương	7.5	6.5	7.0	9.5	7.5	4	Đạt	
420	420122	Nông Quỳnh	Phương	5.0	6.0	6.5	7.0	6.0	3	Đạt	
421	422543	Phạm Thị Thu	Phương	8.5	6.0	6.0	8.0	7.0	4	Đạt	
422	420915	Trần Thị Thu	Phương							Không đạt	
423	421508	Vũ Quỳnh	Phương	5.5	6.0	6.0	7.5	6.5	4	Đạt	
424	403846	Bùi Thị Mai	Phương	10.0	7.5	6.0	10.0	8.5	5	Đạt	
425	412003	Nguyễn Văn	Phương	3.5	6.0	4.5	9.0	6.0	3	Đạt	
426	422223	Nguyễn Ngọc	Phượng	6.5	5.5	5.5	6.5	6.0	3	Đạt	
427	421032	Phạm Thị	Phượng	8.0	8.0	5.5	7.0	7.0	4	Đạt	
428	412024	Bàn Thị	Piền	4.5	3.0	5.5	5.5	4.5	3	Đạt	
429	401654	Thào A	Pó	2.0	4.0	3.0	8.5	4.5	3	Đạt	
430	411448	Nguyễn Quang	Quân	4.5	7.5	5.5	8.0	6.5	4	Đạt	
431	410651	Lữ Văn	Quang	2.0	6.0	2.0	6.5	4.0		Không đạt	
432	423534	Cao Uyển	Quyên	7.5	6.0	5.5	7.5	6.5	4	Đạt	
433	422728	Bùi Thị Như	Quỳnh	7.0	6.0	6.5	9.0	7.0	4	Đạt	
434	421431	Nguyễn Thị	Quỳnh	2.0	3.0	3.5	5.5	3.5		Không đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
435	421849	Nguyễn Thúy	Quỳnh	6.0	5.5	6.0	7.5	6.5	4	Đạt	
436	410623	Bùi Trần Diễm	Quỳnh	7.0	7.0	4.5	6.5	6.5	4	Đạt	
437	413124	Đỗ Thị	Quỳnh							Không đạt	
438	412607	Lê Thị	Quỳnh	8.0	6.0	5.0	8.5	7.0	4	Đạt	
439	411208	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	2.5	3.0	4.5	8.5	4.5	3	Đạt	
440	402855	Nguyễn Thị	Quỳnh	6.0	3.0	4.0	7.0	5.0	3	Đạt	
441	403761	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	8.5	5.0	5.0	8.0	6.5	4	Đạt	
442	412836	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	8.5	8.0	6.0	9.0	8.0	4	Không đạt	
443	400949	Hoàng Thị	Sa	4.0	3.5	4.0	6.5	4.5	3	Đạt	
444	420921	Cao Thị	San	7.0	5.0	5.0	7.0	6.0	3	Đạt	
445	420129	Hoàng Đức	Sáng	7.5	7.0	6.0	7.5	7.0	4	Đạt	
446	410209	Trần Văn	Sinh	7.0	6.5	4.5	7.0	6.5	4	Đạt	
447	421126	Lê Hoàng	Sơn	7.0	5.5	6.0	7.5	6.5	4	Đạt	
448	421620	Nguyễn Minh	Sơn	5.5	6.5	8.0	7.5	7.0	4	Đạt	
449	413007	Ngô Trường	Sơn	8.5	8.5	6.0	9.5	8.0	4	Đạt	
450	412851	Nguyễn Hoàng	Sơn	8.5	9.0	8.5	10.0	9.0	5	Đạt	
451	412459	Lê Thị Linh	Tâm	6.0	6.0	7.0	6.5	6.5	4	Đạt	
452	420739	Trần Anh	Thạch	7.5	8.5	5.5	7.5	7.5	4	Đạt	
453	420442	Phan Ngô Sơn	Thái	8.5	8.0	6.5	8.5	8.0	4	Đạt	
454	410717	Tống Thị Thanh	Thắm	6.5	7.5	6.5	6.0	6.5	4	Đạt	
455	421940	Phạm Duy	Thắng	7.5	8.5	5.0	9.0	7.5	4	Đạt	
456	420251	Ngô Thị	Thanh	7.0	6.0	8.0	7.5	7.0	4	Đạt	
457	421343	Nguyễn Văn	Thanh	5.5	7.0	6.5	7.5	6.5	4	Đạt	
458	412824	Trần Phương	Thanh	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	5	Đạt	
459	423044	Nguyễn Chí	Thành							Không đạt	
460	423312	Trần Công	Thành	9.5	8.5	8.0	9.0	9.0	5	Đạt	
461	421038	Vũ Đặng Tiến	Thành	9.5	8.0	8.5	8.0	8.5	5	Đạt	
462	421333	Mai Thị Phương	Thảo	9.5	8.5	7.0	6.0	8.0	4	Đạt	
463	420634	Ngô Thị	Thảo	7.5	7.5	7.5	7.0	7.5	4	Đạt	
464	422215	Ngô Thị Phương	Thảo	6.5	7.0	6.0	6.0	6.5	4	Đạt	
465	422645	Nguyễn Thị Phương	Thảo	7.0	7.0	7.5	6.0	7.0	4	Đạt	
466	420711	Nguyễn Vũ Ngân	Thảo	9.5	8.5	8.0	9.5	9.0	5	Đạt	
467	421641	Trần Bích	Thảo	8.0	8.5	8.0	6.5	8.0	4	Đạt	
468	422430	Triệu Lan	Thảo	6.5	8.0	7.5	6.0	7.0	4	Đạt	
469	422710	Trương Thị	Thảo	6.0	4.0	7.0	5.0	5.5	3	Đạt	
470	422704	Vũ Thị Phương	Thảo	6.0	5.5	8.5	7.0	7.0	4	Đạt	
471	402340	Bùi Thu	Thảo	8.5	8.5	8.5	9.0	8.5	5	Đạt	
472	412827	Nguyễn Ngọc	Thảo	9.0	9.5	9.0	8.5	9.0	5	Đạt	
473	392555	Nguyễn Thị Thu	Thảo	6.5	6.0	5.5	4.5	5.5	3	Đạt	
474	411111	Nguyễn Thu	Thảo	5.5	6.0	4.0	6.0	5.5	3	Đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
475	412821	Vũ Thị	Thảo	9.5	8.0	8.0	8.0	8.5	5	Đạt	
476	400814	Ma Doãn	Thế	4.5	6.0	1.0	6.0	4.5	3	Đạt	
477	420933	Vũ Đức	Thịnh	6.5	6.5	6.0	4.0	6.0	3	Đạt	
478	421233	Bùi Lê Anh	Thơ	6.0	8.0	4.0	5.5	6.0	3	Đạt	
479	420233	Nguyễn Thị Hoài	Thơ	5.0	5.5	3.5	7.0	5.5	3	Đạt	
480	412350	Hoàng Trọng	Thông							Không đạt	
481	420906	Nguyễn Thị Hoài	Thu	6.5	7.5	4.5	4.0	5.5	3	Đạt	
482	420413	Sầm Lệ	Thu	4.5	7.0	4.5	5.5	5.5	3	Đạt	
483	420737	Trần Thị Hoài	Thu	5.0	5.5	6.0	6.0	5.5	3	Đạt	
484	411916	Đoàn Thị Hoài	Thu	6.0	5.5	8.5	6.0	6.5	4	Đạt	
485	421744	Phạm Anh	Thư	9.5	9.0	9.0	9.0	9.0	5	Đạt	
486	412829	Trần Ngọc Anh	Thư	9.5	8.0	9.0	9.5	9.0	5	Đạt	
487	404035	Võ Minh	Thư	9.0	7.5	6.0	7.5	7.5	4	Không đạt	
488	412009	Đỗ Văn	Thụ	6.5	7.5	5.5	3.5	6.0	3	Đạt	
489	LTCQ0204	Hà Công	Thuận	3.0	4.5	2.5	5.5	4.0		Không đạt	
490	411456	Nguyễn Văn	Thuộc	2.5	7.0	6.0	5.0	5.0	3	Đạt	
491	420454	Bùi Thị	Thương	8.0	7.0	8.0	6.5	7.5	4	Đạt	
492	420721	Đinh Thị	Thương	6.5	6.0	7.0	6.0	6.5	4	Đạt	
493	LTCQ0212	Ngô Thị	Thương	4.5	6.0	3.5	5.5	5.0	3	Đạt	
494	420516	Vũ Thị	Thuý	7.0	8.5	6.5	6.0	7.0	4	Đạt	
495	421149	Trần Phương	Thúy	9.5	8.5	9.0	8.5	9.0	5	Đạt	
496	411123	Liễu Thị	Thúy	6.5	7.5	1.0	3.0	4.5	3	Đạt	
497	421015	Bùi Thị	Thùy	6.5	7.0	6.5	7.0	7.0	4	Đạt	
498	420358	Đào Lê Thu	Thủy	8.5	7.5	8.0	6.5	7.5	4	Đạt	
499	403945	Nguyễn Thị	Thủy	7.5	7.0	7.5	5.0	7.0	4	Không đạt	
500	413024	Phạm Thu	Thủy	8.0	8.0	8.0	5.5	7.5	4	Đạt	
501	420438	Đặng Thị Thủy	Tiên	4.5	8.5	4.5	4.0	5.5	3	Đạt	
502	402913	Vũ Thuỷ	Tiên	9.0	8.0	6.0	6.5	7.5	4	Đạt	
503	421352	Chu Thị Tiểu	Tiệp	7.0	8.0	8.0	7.0	7.5	4	Đạt	
504	421338	Nguyễn Hữu	Tiệp	6.0	7.0	4.0	6.5	6.0	3	Đạt	
505	421253	Trần Thị	Tình	7.0	6.5	6.0	7.0	6.5	4	Đạt	
506	420757	Ngô Thị Thu	Trà	7.5	7.0	7.0	5.5	7.0	4	Đạt	
507	410155	Sầm Thanh	Trà	4.0	4.0	5.0	3.5	4.0		Không đạt	
508	421047	Đỗ Thu	Trang							Không đạt	
509	420648	Đỗ Thùy	Trang	8.0	6.5	7.5	7.0	7.5	4	Đạt	
510	422033	Hoàng Huyền	Trang	6.0	7.5	6.0	5.5	6.5	4	Đạt	
511	420460	Lê Kiều	Trang	5.5	7.0	8.0	7.5	7.0	4	Đạt	
512	420554	Lê Thị Mai	Trang	7.5	7.5	7.5	7.5	7.5	4	Đạt	
513	420727	Lê Thị Quỳnh	Trang	7.5	6.5	6.0	6.0	6.5	4	Đạt	
514	420657	Lê Thị Thu	Trang	8.0	6.0	8.5	7.0	7.5	4	Đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
515	421741	Ngô Thùy	Trang	8.5	9.0	9.0	9.0	9.0	5	Đạt	
516	423015	Nguyễn Quỳnh	Trang							Không đạt	
517	423010	Nguyễn Thị	Trang							Không đạt	
518	420513	Nguyễn Thị Huyền	Trang	6.0	7.0	7.5	6.0	6.5	4	Đạt	
519	422031	Nguyễn Thị Thu	Trang	4.5	4.5	5.5	5.0	5.0	3	Đạt	
520	421513	Nguyễn Thu	Trang	2.0	3.5	4.0	5.5	4.0		Không đạt	
521	422418	Nguyễn Thu	Trang	9.0	8.5	7.0	7.5	8.0	4	Đạt	
522	422954	Nguyễn Thu	Trang	9.0	8.5	7.0	7.0	8.0	4	Đạt	
523	421043	Nguyễn Thuỳ	Trang	4.0	7.0	7.5	6.0	6.0	3	Đạt	
524	422044	Nguyễn Thùy	Trang	8.0	8.0	7.5	8.5	8.0	4	Đạt	
525	421535	Nông Phương	Trang	4.5	5.0	6.0	5.0	5.0	3	Đạt	
526	421630	Phạm Thị	Trang							Không đạt	
527	421311	Phan Thị Mai	Trang	6.0	5.0	7.0	5.5	6.0	3	Đạt	
528	422438	Phan Thị Quỳnh	Trang	8.0	7.0	8.5	8.0	8.0	4	Đạt	
529	420223	Trần Thị Minh	Trang	7.0	5.5	7.5	6.0	6.5	4	Đạt	
530	421801	Trần Thu	Trang	5.0	4.5	5.5	5.5	5.0	3	Đạt	
531	420553	Trương Thị	Trang	5.5	5.5	7.0	7.5	6.5	4	Đạt	
532	421208	Trương Thị Quỳnh	Trang	6.0	5.0	5.0	5.5	5.5	3	Đạt	
533	412152	Bùi Thị	Trang	4.5	5.5	4.0	5.0	5.0	3	Đạt	
534	412849	Đặng Quỳnh	Trang	7.0	7.5	8.0	8.5	8.0	4	Không đạt	
535	411109	Mai Thị Huyền	Trang	5.0	4.0	5.5	7.5	5.5	3	Đạt	
536	411510	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	3.0	4.5	7.0	7.5	5.5	3	Đạt	
537	411647	Phạm Ngọc Lệ	Trang							Không đạt	
538	410110	Phạm Thị Mỹ	Trang	4.0	3.5	4.5	4.5	4.0		Không đạt	
539	412854	Phạm Thu	Trang	7.5	8.0	8.5	8.5	8.0	4	Không đạt	
540	410747	Trần Thị Hà	Trang	8.5	6.5	9.0	8.5	8.0	4	Đạt	
541	412346	Nguyễn Thị	Trinh	4.0	3.0	3.0	6.0	4.0		Không đạt	
542	411253	Sầm Văn	Trọng							Không đạt	
543	421147	Đỗ Hà	Trung	7.5	7.0	8.0	8.0	7.5	4	Đạt	
544	412811	Đỗ Ngọc Thái	Trung	9.5	9.0	7.0	9.0	8.5	5	Đạt	
545	412905	Trần Xuân	Trung	9.5	7.0	7.0	7.5	8.0	4	Đạt	
546	422132	Đỗ Minh	Trường	9.5	9.5	8.0	8.5	9.0	5	Đạt	
547	420823	Lê Vũ Hoàng	Trường	9.0	9.5	6.5	7.0	8.0	4	Đạt	
548	420125	Đào Anh	Tú	6.5	4.0	6.5	7.0	6.0	3	Đạt	
549	421842	Phạm Minh	Tuấn	6.5	7.0	7.5	6.5	7.0	4	Đạt	
550	410225	Hoàng Minh	Tuấn	2.5	5.0	3.0	4.5	4.0		Không đạt	
551	402906	Lê Hồng	Tuấn	5.5	7.0	5.0	6.0	6.0	3	Không đạt	
552	411302	Nguyễn Anh	Tuấn	4.5	4.0	1.5	2.0	3.0		Không đạt	
553	421236	Nguyễn Thanh	Tùng	8.0	7.5	8.0	8.5	8.0	4	Đạt	
554	420907	Lò Công	Tuyền	5.0	7.0	3.0	5.0	5.0	3	Đạt	

STT	MSV	HỌ TÊN		ĐIỂM KỸ NĂNG				ĐIỂM THI	BẬC	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
				NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI				
555	422750	Nguyễn Thị Thanh	Tuyết	7.0	6.0	7.0	7.5	7.0	4	Đạt	
556	421315	Trần Thị	Tuyết	4.0	4.5	6.0	5.0	5.0	3	Đạt	
557	412845	Lê Thị ánh	Tuyết	8.5	7.5	7.0	8.5	8.0	4	Không đạt	
558	400845	Nguyễn Giang	Uy	4.5	5.0	4.5	6.0	5.0	3	Đạt	
559	421626	Bùi Thị	Uyên	4.0	7.0	3.5	5.5	5.0	3	Đạt	
560	421856	Hoàng Tố	Uyên	5.5	6.0	6.5	6.0	6.0	3	Đạt	
561	422240	Nguyễn Thị Phương	Uyên	7.5	8.0	6.0	8.5	7.5	4	Đạt	
562	420725	Nguyễn Thị Thu	Uyên	3.0	5.5	5.5	6.0	5.0	3	Đạt	
563	421936	Nguyễn Thị Thu	Uyên	8.5	5.0	6.0	6.0	6.5	4	Đạt	
564	420250	Nguyễn Thu	Uyên	8.0	5.0	7.0	6.5	6.5	4	Đạt	
565	422201	Trần Thu	Uyên	8.0	6.0	6.0	7.5	7.0	4	Đạt	
566	412550	Bùi Thị Tố	Uyên	4.0	2.0	5.5	5.0	4.0		Không đạt	
567	403905	Đặng Thu	Uyên	9.0	7.5	8.5	9.0	8.5	5	Đạt	
568	420242	Phan Thảo	Vân	6.5	5.5	6.5	7.0	6.5	4	Đạt	
569	412855	Phạm Cẩm	Vân	8.5	8.0	8.5	9.0	8.5	5	Đạt	
570	411741	Lê Thị	Văn	7.0	7.5	6.0	5.5	6.5	4	Đạt	
571	423401	Lê Thị Hà	Vi	8.5	8.5	9.0	8.5	8.5	5	Đạt	
572	421124	Nguyễn Đỗ Thảo	Vi	8.0	8.0	6.5	6.5	7.5	4	Đạt	
573	LTCQ0213	Hoàng Xuân	Việt	9.0	5.5	6.5	2.0	6.0	3	Đạt	
574	400515	Bùi ái	Việt	8.5	5.5	7.0	7.5	7.0	4	Đạt	
575	411409	Lê Anh	Việt	3.0	5.5	5.5	5.0	5.0	3	Đạt	
576	422003	Bế Văn	Vinh							Không đạt	
577	420422	Hoàng Văn	Vinh	4.5	5.5	6.5	6.5	6.0	3	Đạt	
578	412907	Hoàng Thế	Vinh							Không đạt	
579	402445	Nguyễn Hữu	Vinh	5.5	3.0	4.0	4.5	4.5	3	Đạt	
580	422255	Nông Thị	Vui	4.5	3.5	7.0	6.5	5.5	3	Đạt	
581	421154	Đậu Lan	Vy	4.0	4.0	5.5	6.0	5.0	3	Đạt	
582	421354	Hồ Nguyễn Tường	Vy	7.0	4.0	6.5	5.5	6.0	3	Đạt	
583	422937	Hoàng Thanh	Xuân	9.0	7.5	7.5	7.5	8.0	4	Đạt	
584	411010	Bùi Thị Như	ý	6.5	4.5	7.5	6.0	6.0	3	Đạt	
585	422115	Bạch Hải	Yến	7.5	4.5	7.5	7.0	6.5	4	Đạt	
586	422746	Hà Thị Hải	Yến	8.0	7.0	8.0	7.5	7.5	4	Đạt	
587	421544	Trần Thị Hải	Yến	6.0	8.0	5.5		5.0	3	Đạt	
588	410824	Bùi Hải	Yến	4.0	3.5	6.5	6.5	5.0	3	Đạt	

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thùy Dương

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Trung Kiên